

**Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, Ngày 19 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Mã chứng khoán: TYA

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thín Pau

Chức vụ: trưởng phòng quản lý chứng khoán.

Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2020-Taya.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/03/2020 tại website công ty www.taya.com.vn mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu vp

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Người CBTT được ủy quyền



Linh Thín Pau



TAYA GROUP
Ta Ya (Viet Nam) Electric Wire & Cable

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Tháng 03 năm 2021


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

NĂM 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên viết tắt : TAYA VIỆT NAM
- Tên giao dịch : TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY.
- Logo công ty :  TAYA GROUP
Ta Ya (Viet Nam) Electric Wire & Cable
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ bảy thay đổi ngày 07/06/2017.
- Vốn điều lệ : 306.899.450.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 477.766.301.574 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại : 84-251-3836361 ~ 4 Fax: 84-251-3836388
- E-mail : vndnstock@mail.taya.com.tw
- Website công ty : www.taya.com.vn
- Mã cổ phiếu : TYA
- Địa chỉ chi nhánh : km 35, quốc lộ 5A, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại : 84-220-3775888 ~ 890 Fax: 84-220-3775896
- E-mail : genehsu@mail.taya.com.tw

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Ngày thành lập

Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

2.2. Ngày niêm yết

Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

2.3. Ngày cổ phiếu giao dịch chính thức

Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở dịch Chứng khoán TP.HCM).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

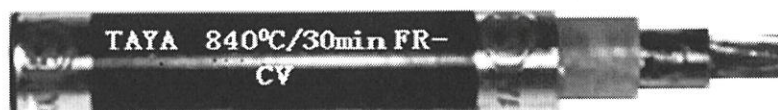
- Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế và trung thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600- 1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô, sản xuất động cơ và máy bơm nước.
- Thi công xây lắp các công trình điện.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật.

- Sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

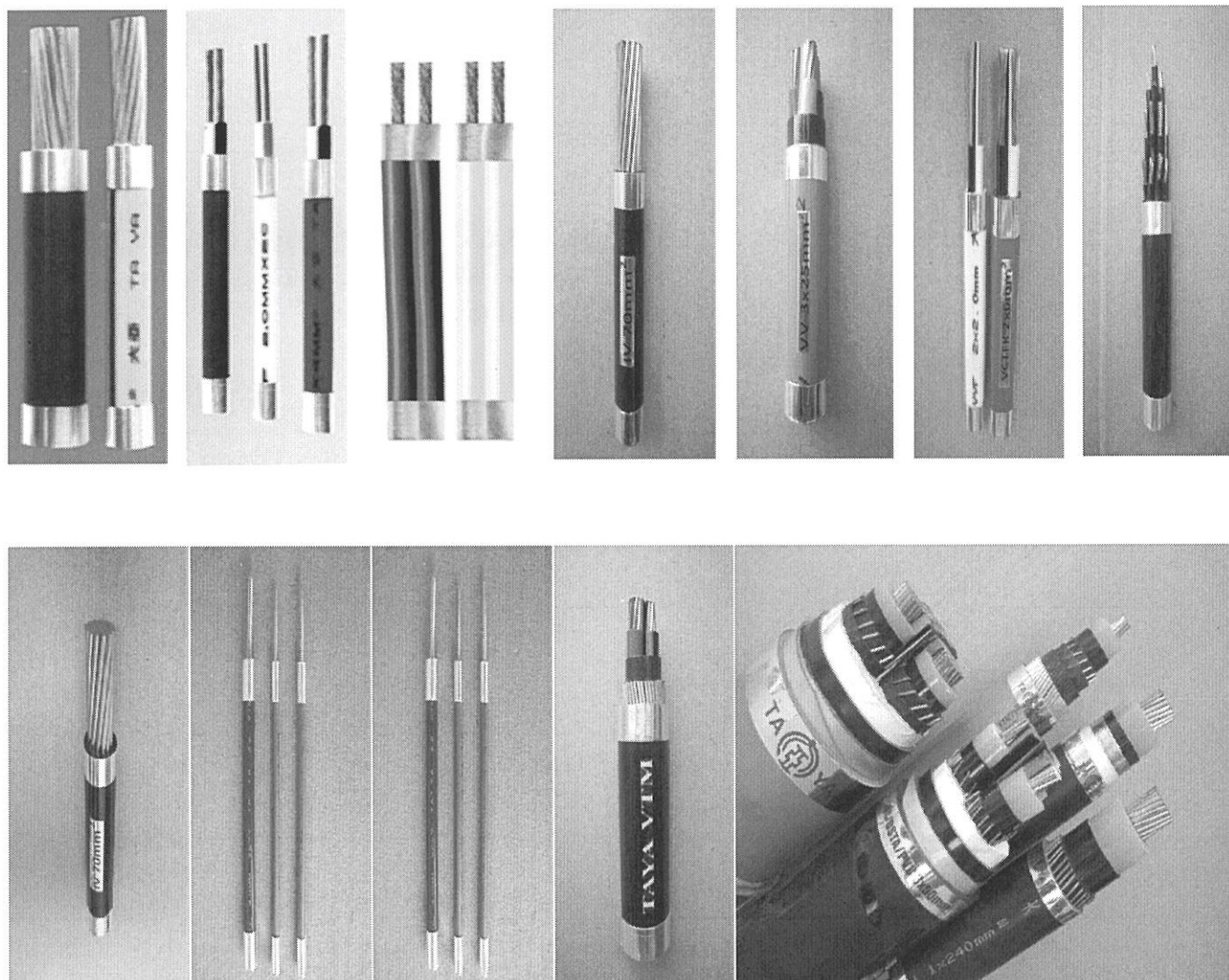
3.2. Hình ảnh sản phẩm tiêu biểu

- Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt.
- Dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V.
- Dây cáp điện trung áp từ 1KV đến 35KV.
- Các loại dây điện từ chịu nhiệt từ 155°C đến 200°C.
(PEW, UEW, EAIW, SEIW, SPEIW...)

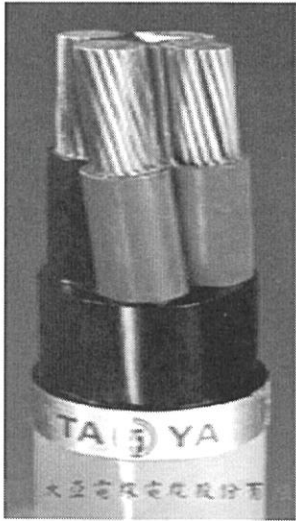
➤ Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt



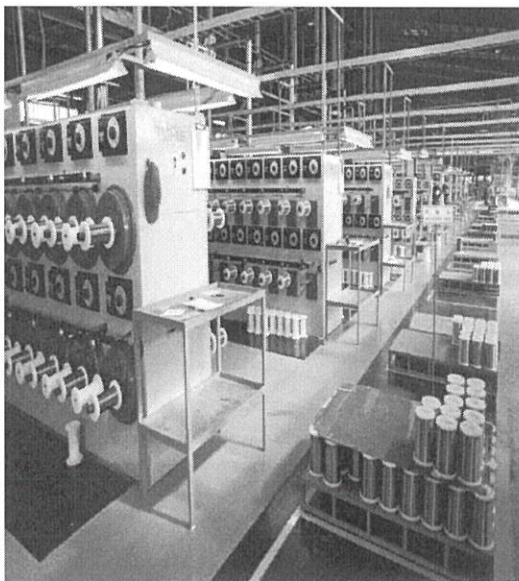
➤ Chủng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V



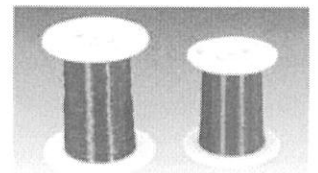
➤ Dây cáp điện trung áp từ 1KV ~ 35 KV



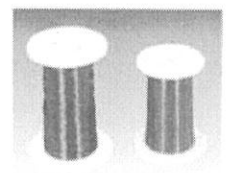
- Các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C)...



PEW
聚酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyester
 Polyester Enamelled Wire
 耐温等級 : 155°C
 Cấp chịu nhiệt : 155°C
 Thermal Rating: 155°C



PEW-NY
尼龍外被聚酯漆包銅線
 Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài
 Polyamide Overcoated Polyester Enamelled Wire
 耐温等級 : 155°C
 Cấp chịu nhiệt: 155°C
 Thermal Rating: 155°C



UEW+NY

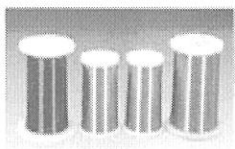
尼龍外被聚胺酯漆包銅線

Dây điện tử Polyurethane có phủ Polyamide
Polyamide Over Polyurethane Enameled Wire

耐温等級：130°C/155°C

Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C

Thermal Rating: 130°C/155°C



UEW

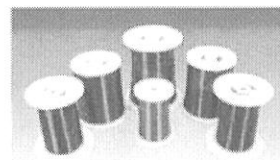
聚胺酯漆包銅線

Dây điện tử Polyurethane
Polyurethane Enameled Wire

耐温等級：130°C/155°C/180°C

Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C

Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



SEIW

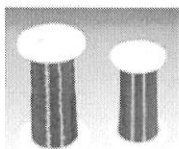
直焊變性聚亞胺酯漆包銅線

Dây điện tử Polyester-Imide có tính tự hàn
Solderable Polyester-Imide Enameled Wire

耐温等級：180°C

Cấp chịu nhiệt: 180°C

Thermal Rating: 180°C



PVF

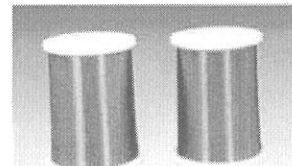
聚乙烯甲醛漆包銅線

Dây điện tử Polyvinyl Formal
Polyvinyl Formal Enameled Wire

耐温等級：105°C

Cấp chịu nhiệt: 105°C

Thermal Rating: 105°C



EAIW

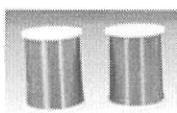
醃胺亞胺外被變性聚脂漆包銅線

Dây điện tử Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire

耐温等級：200°C

Cấp chịu nhiệt: 200°C

Thermal Rating: 200°C



EIW

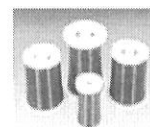
聚脂亞胺漆包銅線

Dây điện tử Polyester-Imide
Polyester-Imide Enameled Wire

耐温等級：180°C

Cấp chịu nhiệt: 180°C

Thermal Rating: 180°C

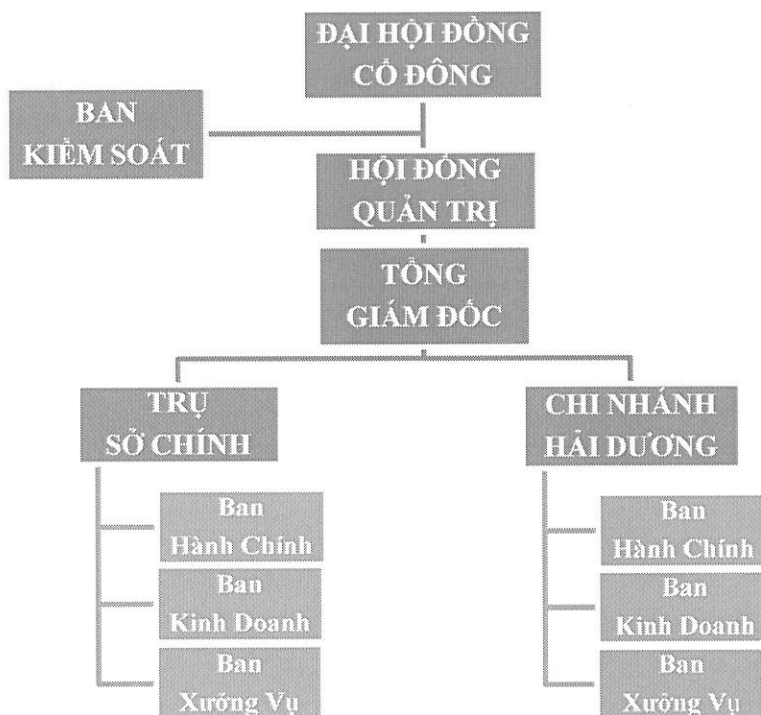


3.3. Địa bàn kinh doanh:

- Địa bàn kinh doanh của công ty trải rộng khắp cả nước, chủ yếu chia thành hai phần. Thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở vào miền nam do trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phụ trách kinh doanh, chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương phụ trách cung cấp hàng hóa cho thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở ra miền bắc.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

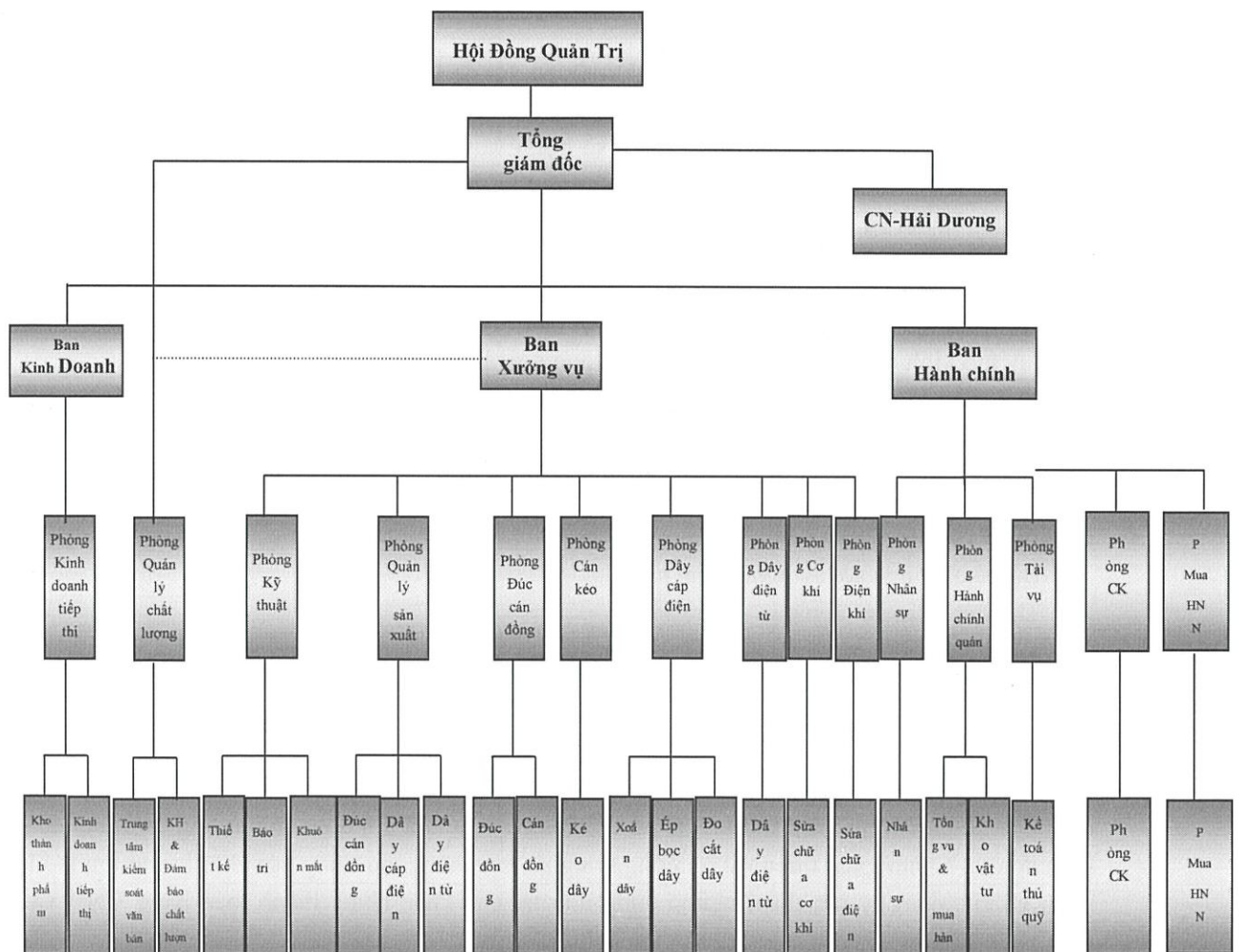
4.1. Mô hình quản trị của công ty



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

- **Trụ sở chính và nhà máy tại tỉnh Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.
Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại: 0251-3836 361-4 Fax: 0251-3836 388
E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn
- **Chi nhánh tại tỉnh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.
Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.
Điện thoại: 0220 – 3775888 0220 – 3775890~892 Fax: 0220 – 3775 896
Email: genehsu@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn
- **Văn phòng đại diện tại Tp.HCM:** Nơi đặt văn phòng liên lạc thương mại cung cấp dây điện và cáp điện cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận.
Địa chỉ: Số 135/17/25-27, đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22 quận Bình Thạnh, Tp.HCM.
Điện thoại: 028-35128861-3 Fax: 028-35128790
E-mail: kao@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý chứng khoán và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu.

Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều hành sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

5. Định hướng phát triển

5.1. Mục tiêu chủ yếu

- Thực hiện công nghiệp 4.0 và đã trở thành 1 trong 50 nhà máy sản xuất xanh và sạch tại Việt Nam.
- Xây dựng công ty trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng Cao, có khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
- Phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
- Tăng trưởng doanh thu xuất khẩu đạt trên 30%/năm.
- Chiếm 25% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Thiết lập mục tiêu kinh doanh, sáng tạo lợi nhuận, tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản dài hạn hữu hình và vô hình, kết hợp toàn diện mọi hỗ trợ đến từ các đối tác kinh doanh liên quan như: các nhà cung ứng, nhà tiêu dùng, nhân viên công ty và các tổ chức xã hội. Chuyển đổi ý tưởng “kinh doanh thu lợi” thành “đổi mới thu lợi” bao gồm: Chiến lược đổi mới về quản lý, kỹ thuật, sản phẩm và tiêu thụ, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

A. Phát triển thị trường:

1. Tận dụng ưu thế thương hiệu, kỹ thuật và quản lý, tạo mối quan hệ liên kết hợp tác ngành, mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao vị thế tỷ trọng ngành.
2. Phát triển sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
3. Tích cực phát triển sản phẩm dây cáp điện bảo vệ môi trường, dây cáp điện cho năng lượng mặt trời.

B. Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo, nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút nhân sự tài năng.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

C. Đầu tư phù hợp:

Giá nguyên liệu đồng thường bị chi phối bởi cung cầu thị trường thế giới và hệ lụy đầu cơ tích trữ các định chế tài chính, quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Nhằm giảm thiểu rủi ro, công ty ngoài mua hàng tập trung với khối lượng lớn tạo lợi thế đàm phán về giá, công ty tìm thêm nguồn cung ứng tại chỗ khác nhau, thanh toán bằng VNĐ và đẩy mạnh xuất khẩu tăng nguồn thu ngoại tệ cần thiết cho công ty.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

➤ Mục tiêu bảo vệ môi trường an toàn, sạch, đẹp

Những năm qua, Tập đoàn Taya huy động mọi nguồn lực nghiên cứu, phát triển, sản xuất ra thị trường các loại cáp điện bảo vệ môi trường. Trong đó, sản phẩm Dây điện từ cách điện 3 lớp (0.6~1.0mm) đã nhận Chứng nhận hợp chuẩn “Dấu tích Carbon” (lượng khí CO₂ thải), những sản phẩm này sử dụng nguyên liệu nhựa (pvc) không chứa nguyên tố HALOGEN (F, Cl, Br, I, At, Uus) độc hại, có khả năng chống lan cháy, ít khói không độc (không sản sinh ra khí độc Dioxin, Hydracid khi bị cháy). Những công trình công cộng và nhà ở sử dụng sản phẩm của công ty, đã thực sự cảm nhận được sự đảm bảo an toàn không độc hại, góp phần tạo dựng môi trường sống lành mạnh, sạch đẹp trong xã hội.

➤ Mục tiêu trách nhiệm xã hội và cộng đồng

Việc kinh doanh và hoạt động của một công ty sẽ mang lại những ảnh hưởng không chỉ riêng cho công ty, mà còn góp phần tạo dựng niềm hạnh phúc trong xã hội. Một công ty được gọi là phát triển bền vững, phải là một công ty cùng hài hòa, cùng phát triển, cùng tồn tại với nơi công ty đặt trụ sở tại đó. Nhiều năm qua, công ty không ngừng tài trợ học bổng, khuyến khích sinh viên, học sinh là con em công nhân chăm chỉ học hành, tài trợ học phí toàn phần cho cán bộ, công nhân đào tạo chuyên sâu nghề, học tốt ngoại ngữ hoặc tiếp tục chương trình đại học từng bị gián đoạn, giúp người lao động trang bị kiến thức, cải tiến năng lực nghề và trình độ ngoại ngữ, tạo cơ hội việc làm cho người lao động và xã hội.

5.4. Mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy yếu và tác động bởi đại dịch Covid-19, mọi cá thể kinh tế đều đứng trước thách thức lớn về sự phát triển bền vững. Mỗi công ty đều phải chịu trách nhiệm trước mục tiêu phát triển của chính công ty mình, dựa vào tính đặc thù và nhiệm vụ khác biệt của mình mà chọn lựa sử dụng những phương pháp, mục tiêu, quy mô và công cụ khác nhau, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và đó chính là chính sách và mục tiêu lâu dài của công ty được đặt lên hàng đầu, cụ thể như sau:

Về mặt chính sách:

Chính sách CSR (trách nhiệm xã hội doanh nghiệp)

Trên con đường CSR, công ty hiểu rằng một doanh nghiệp cần quan tâm không chỉ riêng công ty mình, mà còn phải tìm ra một hướng đi để chính sách phát triển của công ty trùng khớp, phù hợp với Chính sách CSR. Cách của chúng tôi là kết hợp CSR với chiến lược phát triển thương mại để trở thành một thương hiệu có trách nhiệm với xã hội. Chúng tôi cho rằng **thương hiệu** là một tài sản rất quan trọng của một doanh nghiệp.

➤ **Tầm nhìn:** Phấn đấu trở thành thương hiệu dẫn đầu tiếp nối nguồn năng lượng, sản phẩm thân thiện với môi trường, là bàn tay xúc tiến xây dựng quê nhà an toàn sạch đẹp, là chỗ dựa vững chắc, được tin cậy bởi người lao động, khách hàng, cổ đông và cộng đồng xã hội.

➤ **Thực hành và theo đuổi:** Gắn kết với công nghệ kỹ thuật hiện đại, cam kết chính sách CSR trùng khớp với chính sách phát triển doanh nghiệp và quyết tâm tiến tới mục tiêu phát triển bền vững.

➤ **Giá trị của ý tưởng:** Không ngừng nâng cao sự hoàn hảo, cùng tồn tại cùng phát triển, vững vàng thành tín, sáng tạo và đổi mới.

6. Các rủi ro:

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Công ty có rủi ro về tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng ngoại tệ chủ yếu là USD. Rủi ro tỷ giá hối đoái của công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:

Năm 2020 doanh thu khoảng 1.657,4 tỷ đồng, giảm 13,6%; Lợi nhuận sau thuế khoảng 71,5 tỷ đồng giảm 24,4% so với thực hiện năm 2019.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tăng/giảm Kim ngạch	TỶ SUẤT ĐẠT THÀNH so với KH
Vốn điều lệ (triệu đồng)	306.899	306.899	-	-
Doanh thu (triệu đồng)	1.951.914	1.657.383	-294.531	84,91%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	105.255	87.823	-17.432	83,44%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	87.994	71.504	-16.490	81,26%
LN sau thuế/Doanh thu (%)	4,51	4,31	-	-
LN sau thuế/Vốn cổ phần (%)	28,67	23,30	-	-

- Doanh thu năm 2020 đạt thành 84,91%; lợi nhuận sau thuế đạt thành 81,26% so với kế hoạch.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu năm 2020 khoảng 4,31% thấp hơn 4,51% theo kế hoạch. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần năm 2020 khoảng 23,30% thấp hơn 28,67% theo kế hoạch.

Phân tích nguyên nhân:

- Giảm doanh thu:** do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, trong bối cảnh kinh tế suy thoái toàn diện, công ty chủ động và linh động trong kinh doanh sản xuất, giảm hàng tồn và không tích trữ nguyên liệu nhập khẩu cố gắng kinh doanh có lãi.
- Cân bằng giá vốn hàng bán:** tỷ suất giá vốn năm 2020 khoảng 90,1% gần bằng 89,8% của năm 2019. Ngoài ra, hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần năm 2020 là 5,32% chênh lệch rất nhỏ so với 5,79% của năm 2019 cho thấy với giá vốn gần cân bằng nhau, khi doanh thu giảm thì khả năng gặt hái lợi nhuận cũng giảm theo.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Cơ cấu tổ chức

- Hội đồng quản trị gồm tám (8) người: 1 chủ tịch; 1 phó chủ tịch; 3 thành viên thường vụ, 3 thành viên độc lập.
- Ban kiểm soát gồm ba (3) người: 1 trưởng ban; 2 thành viên.
- Một tổng giám đốc: chịu trách nhiệm trụ sở chính công ty tại tỉnh Đồng Nai.
- Một phó tổng giám đốc: chịu trách nhiệm tại chi nhánh tỉnh Hải Dương.
- Một kế toán trưởng: chịu trách nhiệm về tài chính kế toán của công ty.
- Các hiệp lý, giám đốc, phó giám đốc; xưởng trưởng, phó xưởng trưởng; trưởng văn phòng đại diện; trưởng phòng, phó phòng của các phòng ban.

2.2. Danh sách Ban điều hành:

● Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

Kiểm chức vụ khác: không

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
 Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông Đài Loan.
 Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

● Ông Hsu Ching Yao
 Chức vụ hiện tại: phó Tổng giám đốc.
 Kiêm chức vụ khác: không
 Ngày tháng năm sinh: 31/12/1967
 Nơi sinh: Đài Loan
 Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
 Trình độ văn hóa: Đại học Fung Chia Đài Loan
 Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

● Ông Su Yu Chun
 Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng.
 Kiêm chức vụ khác: không
 Ngày tháng năm sinh: 14/01/1972
 Nơi sinh: Đài Loan
 Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
 Trình độ văn hóa: MBA Đại học Texas, Hoa Kỳ.
 Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Không thay đổi.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 các khoản đầu tư lớn

- Không có.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

- Không có.

4. Báo cáo tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	892.193.305.320	914.006.030.271	-2,44
Nợ phải trả	414.427.003.746	434.909.903.952	-4,94
Vốn chủ sở hữu	477.766.301.574	479.096.126.319	-0,28
Doanh thu thuần	1.657.383.168.889	1.882.752.564.122	-13,60
Lợi nhuận sau thuế	71.504.254.353	88.970.215.603	-24,43
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2.331	2.900	-24,41

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/nợ ngắn hạn)	%	189,93	182,93	
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho)	%	133,50	112,68	

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	50,00	45,02	
+ Hệ số Nợ /vốn chủ sở hữu	%	93,37	81,88	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	%	555,43	611,50	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	185,77	205,99	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,31	4,73	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	14,97	18,57	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,01	9,73	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,32	5,79	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm báo cáo là: 30.689.945 cổ phần thuộc cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phiếu quỹ là: 9.363 cổ phần. Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 6.125.410 cổ phần. Số lượng cổ phần chưa niêm yết là : 24.555.172 cổ phần, hạn chế chuyển nhượng là 9.206.983 cổ phần (cổ đông sáng lập nước ngoài cam kết năm giữ 30% cổ phần trong suốt thời gian dự án hoạt động).

5.2. Cơ cấu cổ đông: (tại 15/03/2021)

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng cổ phần	4.376.318	14,26	26.313.627	85,74	30.689.945	100
Sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	24.555.172	80,01	24.555.172	80,01
Cổ đông pháp nhân	190.484	0,62	-	-	190.484	0,62
Cổ đông cá nhân	3.804.908	12,40	1.380.028	4,50	5.184.936	16,90
Pháp nhân chuyên nghiệp	371.563	1,21	378.427	1,23	749.990	2,44
Cổ phiếu quỹ	9.363	0,03	-	-	9.363	0,03

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:

- Vốn cổ phần của công ty không thay đổi vẫn duy trì 306.899.450.000 đồng tại ngày 31/12/2020.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm:

- Không giao dịch.

5.5. Phát hành chứng khoán khác trong năm:

- Không phát hành.

6. Báo cáo tác động môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính trong năm 2020

- Nguyên vật liệu chính của dây cáp điện là nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu, mua nội địa và hạt nhựa PVC, PE mua trong nước. Nguyên liệu chính của sản phẩm dây điện từ là sơn Vecni cách điện nhập khẩu. Trong năm 2020 công ty nhập khẩu đồng tấm khoảng 6.470,54 tấn, mua trong nước 2.269,30 tấn, tổng cộng 8.739,84 tấn, nhập khẩu và mua trong nước sơn Vecni cách điện 325,67 tấn. Hạt nhựa PVC nhập khẩu 45,78 tấn trong nước khoảng 2.535,30 tấn. Sử dụng lu lô gỗ đóng gói dây cáp điện các loại khoảng 12.092 cái/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm

- 0%.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp năm 2020 là: 18.965.650 kw. Giảm 2.176.969 kw so với năm 2019 do giảm sản lượng hàng hóa.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Không có

c) Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

- Không có

6.3. Tiêu thụ nước năm 2020

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Lượng nước sử dụng trong kinh doanh sản xuất của công ty năm 2020 là 18.988 m³, giảm 1.234 m³ so với năm 2019 do công ty siết chặt quản lý lượng nước sử dụng và giảm tưới tiêu cây xanh trong công ty. Nguồn nước sử dụng trong kinh doanh và sản xuất đều do Công ty cấp nước Sonadezi Đồng Nai và Công ty cấp nước tỉnh Hải Dương cung cấp.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

- Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động tại Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương tại thời điểm 31/12/2020 là 396 người với 117 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài 14 người chiếm 3,54% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: đại học và cao đẳng và trên đại học chiếm 25%, trung cấp chiếm 20% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 55%. Mức lương bình quân người lao động công ty năm 2020 là 13.048.464 đồng/tháng (bao gồm tháng thứ 13) chưa trừ phí BHXH, BHYT, BHTN.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

➤ Chương trình khám sức khỏe định kỳ:

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân công ty, nhằm theo dõi phát hiện tình trạng sức khỏe của công nhân để dự phòng, điều trị sớm gìn giữ sức khỏe.

➤ Đo kiểm môi trường làm việc:

Một năm hai lần Công ty tổ chức đo kiểm môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho công nhân công ty.

➤ Chính sách lương:

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

➤ Chính sách thưởng:

Nhân viên Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty. Năm 2020 công ty thưởng 02 tháng lương cơ bản cho toàn thể nhân viên và tiền thưởng thâm niên cho nhân viên làm việc gắn bó lâu dài với công ty.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, khi đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 1.000.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 700.000 đồng; 700.000 đồng đối với lễ cưới con nhân viên công ty. Khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 300.000 đồng còn tang lễ là 1.000.000 đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

➤ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm

- Tổng số giờ đào tạo: 1.720 giờ, trung bình 4 giờ 34 phút cho một nhân viên theo phân loại nhân viên.

➤ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

- Theo các quy định về nâng cao trình độ chuyên môn đối với nhân viên. Hỗ trợ các khóa học đào tạo ngoại ngữ và tay nghề, tiếp tục chương trình Đại học cho những công nhân có nhu cầu học tập và có thành tích đạt yêu cầu.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2020 Công ty hỗ trợ học bổng cho Trường cao đẳng Sonadezi tại Đồng Nai 15.000.000 đồng và tiền khuyến học cho con em người lao động trong công ty 41.000.000 đồng, quyền góp từ thiện trực tiếp và gián tiếp và hoạt động xã hội tổng cộng 392.000.000 đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	2020	2019	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.657.383.168.889	1.882.752.564.122	-225.369.395.233	-13,60
2. Giá vốn hàng bán	1.493.702.441.719	1.689.753.808.690	-196.051.366.971	-13,13
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	163.680.727.170	192.998.755.432	-29.318.028.262	-17,91
4. Doanh thu hoạt động tài chính	12.669.248.545	9.944.009.094	2.725.239.451	21,51
5. Chi phí tài chính	19.949.715.231	22.147.988.884	-2.198.273.653	-11,02
6. Chi phí bán hàng	26.622.923.004	28.840.322.167	-2.217.399.163	-8,33
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.670.478.015	42.991.269.689	-1.320.791.674	-3,17
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	88.106.859.465	108.963.183.786	-20.856.324.321	-23,67
9. Thu nhập khác	411.997.862	232.923.955	179.073.907	43,46
10. Chi phí khác	695.817.982	506.299.822	189.518.160	27,24
11. Lợi nhuận trước thuế	87.823.039.345	108.689.807.919	-20.866.768.574	-23,76
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.247.972.436	19.726.064.793	-3.478.092.357	-21,41
13. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại	70.812.556	-6.472.477	77.285.033	109,14
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.504.254.353	88.970.215.603	-17.465.961.250	-24,43
15. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phần	2.331	2.900	-569	-24,41

Phân tích tổng quan hoạt động công ty

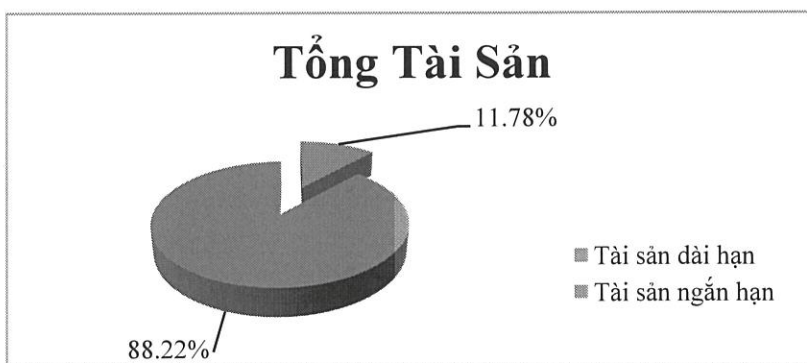
So sánh kết quả kinh doanh năm 2020 và năm 2019 như sau:

- **Doanh thu:** Doanh thu năm 2020 khoảng 1.657,4 tỷ đồng giảm 13,60% so với năm 2019. Trong đó xuất khẩu chiếm 29,77% (tăng 8,65%) so với năm 2019. Chủ yếu xuất khẩu sang nước Campuchia, Lào, Myanmar và xuất khẩu tại chỗ tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2020 ở mức 1,61% cao hơn mức 1,53% của năm 2019. Mức tăng này không đáng kể phản ánh hiệu quả quản lý chi phí bán hàng của công ty rất tốt.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2020 ở mức 2,51% cao hơn mức 2,28% của năm 2019 phản ánh chi phí quản lý cơ bản thực tế của công ty trường hợp doanh thu không tăng.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2020 thấp hơn năm 2019, phản ánh nhu cầu vay vốn lưu động ít hơn năm 2019.
- **Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo (Book Value):**

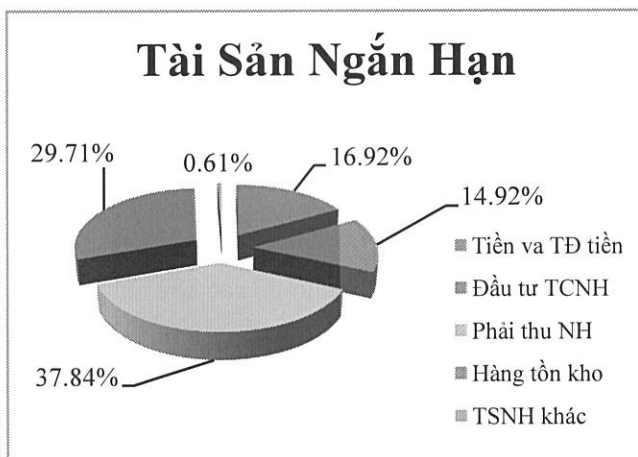
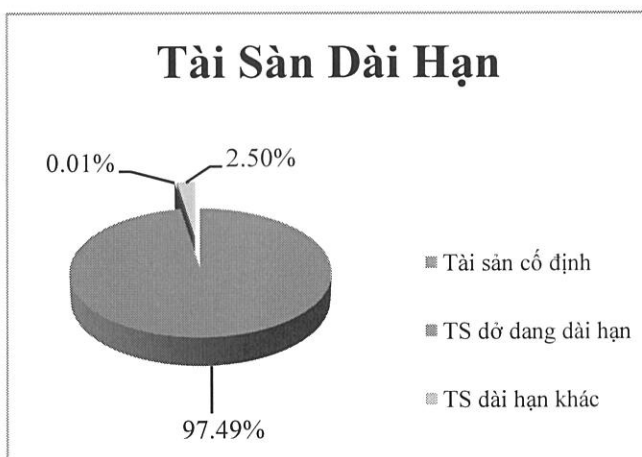
Chỉ tiêu	2020	2019	2018
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	15.568	15.603	14.534

2. Tình hình tài chính

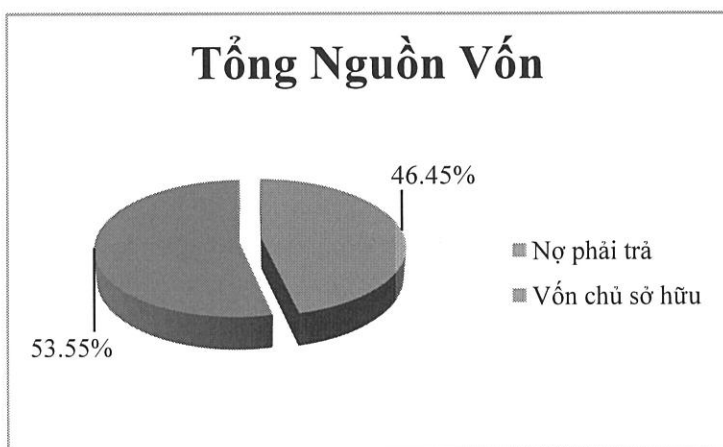
a. Tình hình tài sản



- Tổng tài sản công ty năm 2020 là 892.193.305.320 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 88,22%, tỷ lệ này tuy cao, nhưng do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.
- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và thiếu tính chuẩn xác.
- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn.

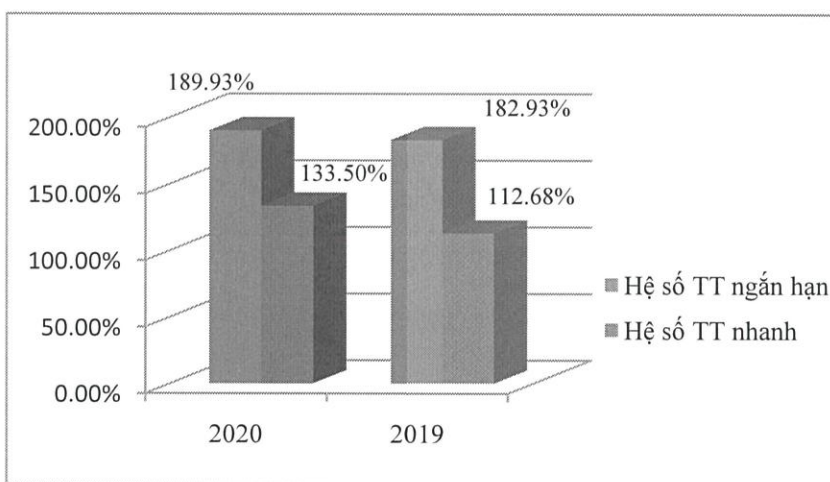


b. Tình hình nợ phải trả:



- Năm 2020 công ty không có nợ dài hạn, chỉ có nợ ngắn hạn khoảng 414,4 tỷ đồng, chiếm 46,45% trên Tổng nguồn vốn (khoảng 892,2 tỷ đồng) công ty.
- Trong đó, vay ngắn hạn khoảng 344,2 tỷ đồng chiếm 83,06% trên nợ ngắn hạn, khoản vay này chủ yếu dùng để chi trả nguyên liệu đồng tấm nhập khẩu.
- Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn nợ ngắn hạn đều mang tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, đó ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.
- Chỉ số ROE năm 2020 của công ty là 14,97% thấp hơn 18,57% năm 2019 phản ánh khả năng tăng lợi nhuận so với năm 2019 giảm.

c. Năng lực thanh toán:



- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 là 189,93% cao hơn 182,93% năm 2019, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2020 cao hơn năm 2019. Đồng thời tài sản ngắn hạn của công ty dồi dào và khả năng tài sản lưu động chuyển đổi thành tiền khá cao khoảng 531,6 tỷ đồng (phải thu ngắn hạn khoảng 297,8 tỷ đồng; hàng tồn kho khoảng 233,8 tỷ đồng) sẽ không xảy ra nguy cơ mất khả năng thanh toán.
- Hệ số thanh toán nhanh năm 2020 là 133,50% cao hơn 112,68% của năm 2019, tiền và các khoản tương đương tiền dồi dào, thể hiện năng lực thanh toán nhanh của công ty rất lý tưởng.

d. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

- **Nợ phải trả năm 2020** của công ty khoảng 414,4 tỷ đồng, nợ ngắn hạn này tuy lớn nhưng hoàn toàn nằm trong năng lực chi trả của công ty. Tuy nhiên, các khoản phải thu ngắn hạn của công ty vào khoảng 297,8 tỷ đồng và giá trị hàng tồn kho khoảng 233,8 tỷ đồng vẫn cân đối cao hơn nợ phải trả.
- **Chênh lệch tỉ lệ giá hối đoái** sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất của công ty. Năm 2020 tỷ giá hối đoái tương đối ổn định không gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- **Chênh lệch lãi vay** các ngân hàng thương mại không nhiều ít gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Đã thực hiện kế hoạch công nghiệp 4.0 và trở thành một trong top 50 nhà máy sản xuất xanh sạch tại Việt Nam. Đã hoàn thành hệ thống quản lý mạng điện tử liên thông từ các khâu sản xuất, mua hàng, kiểm phẩm và bộ phận kế toán.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu trên 50%, xuất khẩu 30%, lợi nhuận sau thuế trên 90 tỷ đồng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

- Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Hiện trạng môi trường tại công ty theo kết quả đo đạc chất lượng môi trường tháng 12/2020 do Viện Nước và Công nghệ môi trường Tp. HCM thực hiện:

- **Chất lượng môi trường không khí:** Tất cả các chỉ tiêu đo đạc, phân tích tại các vị trí lấy mẫu tại công ty đều đạt tiêu chuẩn cho phép, QCVN 05: 2013/BTNMT, QCVN 26: 2010/BTNMT và TCVSLEĐ3733/2002/BYT/QĐ.
- **Chất lượng môi trường nước thải:** Tất cả các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải vào cống thu gom thoát nước của KCN Biên Hòa II.
- **Thu gom chất thải rắn đặc biệt nguy hại:** Đã bố trí nhiều thùng chứa chất thải từng khu vực cục bộ. Hằng ngày có đội vệ sinh đến thu gom, vận chuyển về kho lưu trữ riêng biệt.
- Đã được cấp Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân và các thiết bị, dụng cụ PCCC trong từng khu vực.

Qua kết quả đo đạc trên, hiện trạng môi trường của công ty đã đạt tiêu chuẩn và phù hợp với quy định về pháp luật môi trường tại Việt Nam.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng phát thải...)

- Năm 2020 công ty tiêu thụ nước 31.973 m³ trong đó lượng nước sinh hoạt như nấu cơm cho công nhân ăn, vệ sinh cá nhân và tưới tiêu vườn hoa cây xanh trong công ty chiếm khoảng 12.985 m³ và 18.988 m³ còn lại sử dụng trong hoạt động sản xuất chủ yếu là nước tuần hoàn làm nguội máy móc thiết bị ít khi thải ra ngoài. Tỷ lệ hao hụt do bốc hơi không đáng kể không gây ảnh hưởng đến môi trường. Nước thải sinh hoạt phù hợp tiêu chuẩn quy định.
- Tỷ suất năng lượng điện tiêu hao trong hoạt động sản xuất tính trên doanh thu năm 2020 là 0,0010% thấp hơn 0,0011% của năm 2019 cho thấy hiệu suất sản xuất cải thiện của năm 2020. Năng lượng điện là năng lượng sạch không gây ảnh hưởng môi trường và được tận dụng 100% trong hoạt động sản xuất.
- Các chất thải rắn được thu gom xử lý theo quy định của pháp luật môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty hoạt động tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành, mọi quyền lợi hợp pháp của công nhân đều được đảm bảo và thực thi. Công nhân được tự do tổ chức, tham gia hoạt động công đoàn và được công ty hỗ trợ kinh phí hoạt động. Mỗi quý một lần công ty tiến hành đối thoại dân chủ giữa người lao động và người sử dụng lao động tại nơi làm việc của công nhân trong công ty, hai bên cùng nhau thảo luận, trao đổi ý kiến và tháo gỡ thắc mắc liên quan đến trách nhiệm nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động. Vì vậy, mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động trong công ty diễn ra rất hài hòa và gắn bó với nhau.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Là công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư rất sớm tại tỉnh Đồng Nai vào năm 1992, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của chính phủ địa phương. Năm 2005 là công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tham gia niêm yết giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, đóng vai trò tiên phong gây dựng niềm tin đầu tư vào thị trường vốn Việt Nam. Nhiều năm qua, công ty giữ vững đầu tư, ổn định sản xuất tại tỉnh Đồng Nai và tỉnh Hải Dương, tạo dựng công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, cuộc sống ổn định cho người lao động. Mỗi năm, công ty đều hỗ trợ học bổng cho trường cao đẳng Đại học tại địa phương, cũng như việc tài trợ tiền khuyến học cho con em người lao động của công ty và tham gia hoạt động từ thiện khác.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

Kinh tế toàn cầu năm 2020 suy thoái do ảnh hưởng bởi Đại dịch Covid-19 và doanh thu của công ty đã giảm 13,6% so với năm 2019 nhưng dựa vào chiến lược kinh doanh linh động, năm 2020 công ty thu về lợi nhuận sau thuế khoảng 71,5 tỷ đồng.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty

Trong quá trình thực hiện quản trị công ty năm 2020, Ban giám đốc luôn tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ của công ty không vi phạm pháp luật, tình hình tài chính lành mạnh, không có dấu hiệu khác thường hoặc sử dụng vốn sai lệch mục đích, hoặc đầu tư ngành nghề khác khi chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong tác động của Đại dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng GDP Việt nam năm 2020 đạt 2,91%.

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2021 rất khả quan, nhưng do Đại dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Vì vậy, theo điều kiện khách quan, Hội đồng quản trị dự tính kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty năm 2021 cụ thể như sau:

Đvt: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2021
Doanh thu thuần	1.602.584.169.683
Lợi nhuận gộp	136.504.660.818
Lợi nhuận trước thuế	88.617.293.405
Chi phí thuế TNDN	13.206.860.502
Lợi nhuận sau thuế	75.410.432.903

Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm 2021 ở mức 6.650USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 23.500VND/USD.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Ông Shen Shang Pang

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam.

Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Học viện Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 143.754 cổ phần (0,46%).

Ông Shen Shang Tao

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 44.732 cổ phần (0,15%).

Ông Shen Shang Hung

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Người đại diện theo pháp luật - Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 46.442 cổ phần (0,15%).

Ông Shen San Yi

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 166.235 cổ phần (0,54%).

Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Tsai Chung Cheng

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 20/04/1949
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Tu Ting Jui

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 19/08/1948
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Cao đẳng thương nghiệp Đài Nam.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Lin Fu Chih

Chức vụ hiện tại: **Thành viên HĐQT độc lập** Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1952
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Đại học Thành Công Đài Nam.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nhưng Hội đồng quản trị đã thông qua và chỉ định ba ông thành viên độc lập đảm nhiệm công việc của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Ông Tsai Chung Cheng chịu trách nhiệm về công việc nhân sự của HĐQT.
- Ông Tu Ting Jui chịu trách nhiệm về công việc lương thưởng của HĐQT.
- Ông Lin Fu Chih chịu trách nhiệm về công việc pháp lý của HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2020 HĐQT đã họp 8 lần nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong hội nghị, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết vay vốn ngân hàng bổ sung vốn lưu động cho công ty, nhập khẩu máy móc thiết bị hiện đại tân tiến, cải tiến chất lượng sản phẩm và hiệu suất sản xuất. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 công ty lãi khoảng 71,5 tỷ đồng.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty không thiết lập các tiểu ban Hội đồng quản trị, mà giao trách nhiệm ba thành viên Hội đồng quản trị độc lập chuyên trách công việc nhân sự, lương thưởng và pháp lý của Hội đồng quản trị. Năm 2020 ba thành viên độc lập đã tham gia cuộc họp Hội đồng quản trị 8 lần, ngoài việc thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty, còn đặc biệt xem xét, đệ trình Hội đồng quản trị thông qua quyết định đề bạt nhân sự, kế hoạch đào tạo tay nghề, điều chỉnh lương bổng và cấp phát tiền thưởng cuối năm 2020 cho nhân viên công ty.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Do Thành viên Hội đồng quản trị của công ty là người nước ngoài đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị kinh doanh tại các nước như Hoa Kỳ, Taiwan... có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Các thành viên này không tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt Nam. Riêng cán bộ quản lý Việt Nam và người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đã tham gia và hoàn thành khóa đào tạo quản trị công ty tại Việt Nam.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ông Hung Chung Ming

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 05/04/1977

Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Kun Shan University Taiwan; chuyên ngành Tài chính kế toán.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Wang Wen Ruey

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Tổng Giám đốc Cuprime Material Co., Ltd.

Giám đốc Taya Viet Nam (Cayman) Holding Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0 cổ phần (0%).

Ông Chiu Tsung Jen

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam

Tổng giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya (Việt Nam)

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957

Nơi sinh: Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 2.310 cổ phần (0,01%).

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát một năm họp ba (3) lần, chủ yếu bàn thảo trao đổi kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Mỗi quý Ban kiểm soát cử đại diện kiểm tra giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Tiền lương:

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) lương 5.000USD/tháng.
- Ông Shen Shang Tao (phó chủ tịch HĐQT) lương 5.000USD/tháng.
- Ông Wang Ting Shu (Tổng giám đốc) lương 3.270USD/tháng.
- Ông Hsu Ching Yao (phó Tổng giám đốc) lương 2.370USD/tháng.
- Ông Chiu Tsung Jen (thành viên BKS) lương 1.350USD/tháng.

Thù lao:

- Năm 2020 công ty lãi khoảng 71,5 tỷ đồng, công ty chi trả thù lao năm 2020 cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 3% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ.

b. Thù lao khác

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) phí bảo lãnh vay ngân hàng năm 2020: 684.667.698 đồng.

c. Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát:

- Chi phí hoạt động của HĐQT: 225.527.000 đồng.
- Chi phí hoạt động của BKS: 0 đồng.

*** Nguyên nhân giảm chi phí hoạt động:**

Chi phí hoạt động của HĐQT chủ yếu phát sinh vào tháng 1/2020 trước đại dịch Covid-19 bùng phát sau khi chính sách cấm bay và cách ly giữa các quốc gia ban bố, các thành viên HĐQT và BKS của công ty chuyên sang làm việc thông qua truyền hình trực tuyến vì vậy chi phí hoạt động sụt giảm.

d. Giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị:

- Tháng 9/2020, Chủ tịch HĐQT ông Shen Shang Pang mua vào 20.000 cổ phiếu của công ty.
- Tháng 9/2020, Thành viên HĐQT ông Shen San Yi mua vào 23.000 cổ phiếu của công ty.

e. Xung đột lợi ích với công ty:

- Không xung đột lợi ích.

f. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ năm 2020:**➤ Giao dịch với Công ty có liên quan: Công ty TNHH Dây và Cáp điện Đại Á (Taya Electric Wire and Cable Co., Ltd**

- Nhập khẩu nguyên vật liệu 12.147.578.831 đồng và phí sử dụng bản quyền 2.180.998.268 đồng.
- Hợp đồng dịch vụ nguyên liệu Đồng; hợp đồng bảo trì phần mềm hệ thống vi tính mua nguyên liệu đồng và hợp đồng chi phí dịch vụ: 18.804.150.000 đồng.

➤ Giao dịch với công ty có liên quan:

- Công ty TNHH Điện cơ Teco (Vietnam): mua nguyên vật liệu 50.881.820; thành phẩm 1.533.982.630; cho thuê văn phòng và nhà xưởng 792.171.520 đồng.

g. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Theo quy định của pháp luật về Quản trị công ty, các thành viên Hội đồng quản trị phải tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty tại Việt nam, nhưng trên thực tế thành viên Hội đồng quản trị của công ty chưa thể tham gia quy định này do là người nước ngoài, đã tốt nghiệp và hoàn thành chương trình nghiên cứu chuyên môn và quản trị tại các nước như Hoa kỳ, Taiwan...có dày dặn kinh nghiệm thực tế trong điều hành và quản trị công ty. Tuy nhiên, cán bộ quản lý và người được ủy quyền công bố

thông tin Việt nam của công ty đã tham gia chương trình đào tạo Quản trị công ty nêu trên, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật về quản trị công ty.

VI. **BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xem BCTC tổng hợp và Trụ sở chính tại www.taya.com.vn mục Quan hệ cổ đông)**



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyễn Huệ Street, Bến Nghé Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Chi nhánh Kiểm toán số. 20-01-00282/1-21-3

CÔNG TY TNHH

KPMG

Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chien

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		787.111.878.367	795.560.266.732
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	133.170.546.227	130.667.424.230
Tiền	111		84.970.546.227	49.867.424.230
Các khoản tương đương tiền	112		48.200.000.000	80.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		117.459.939.282	63.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	117.459.939.282	63.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		297.843.029.624	288.855.000.754
Phải thu của khách hàng	131	6	297.501.202.158	285.532.089.681
Trả trước cho người bán	132		505.868.720	3.528.293.060
Phải thu khác	136		997.676.958	956.336.225
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.161.718.212)	(1.161.718.212)
Hàng tồn kho	140	7	233.834.826.023	305.493.343.875
Hàng tồn kho	141		234.612.950.467	306.426.627.347
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(778.124.444)	(933.283.472)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.803.537.211	6.944.497.873
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.279.393.498	2.116.024.099
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	2.300.431.058	4.226.841.279
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	5.869.940
Tài sản ngắn hạn khác	155		223.712.655	595.762.555
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		105.081.426.953	118.445.763.539
Tài sản cố định	220		102.445.066.724	105.702.730.550
Tài sản cố định hữu hình	221	8	102.279.053.924	105.540.110.750
Nguyên giá	222		505.139.885.862	494.653.867.627
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(402.860.831.938)	(389.113.756.877)
Tài sản cố định vô hình	227	9	166.012.800	252.628.800
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(834.066.000)	(747.450.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.159.000	5.633.875.430
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	7.159.000	5.633.875.430
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	-	4.700.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.629.201.229	2.319.148.559
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.273.429.927	1.892.564.701
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		355.771.302	426.583.858
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		892.193.305.320	914.006.030.271

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

120
HN
NG
KF
DN

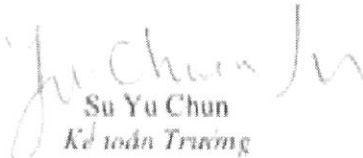
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

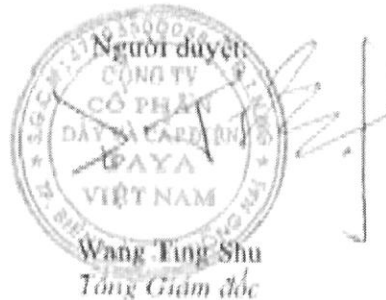
Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		414.427.003.746	434.909.903.952
Nợ ngắn hạn	310		414.427.003.746	434.909.903.952
Phải trả người bán	311	12	18.496.351.672	38.703.651.059
Người mua trả tiền trước	312		35.388.809.896	6.049.494.643
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(b)	5.259.569.773	4.915.484.468
Phải trả người lao động	314		9.130.359.335	9.059.304.919
Chi phí phải trả	315		1.753.860.731	1.785.462.152
Phải trả khác	319		168.142.382	185.988.893
Vay ngắn hạn	320	14	344.229.909.957	374.210.517.818
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		477.766.301.574	479.096.126.319
Vốn chủ sở hữu	410	15	477.766.301.574	479.096.126.319
Vốn cổ phần	411	16	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	18	78.595.648.888	65.250.116.548
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.544.042.049	107.219.399.134
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối năm trước	421a		21.039.787.696	18.249.183.531
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		71.504.254.353	88.970.215.603
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		892.193.305.320	914.006.030.271

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán Trưởng


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

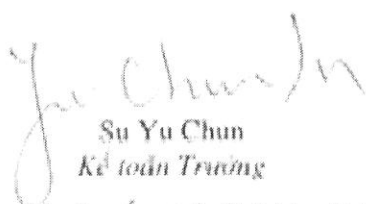
Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.657.383.168.889	1.882.760.028.922
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	7.464.800
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	20	1.657.383.168.889	1.882.752.564.122
Giá vốn hàng bán	11	21	1.493.702.441.719	1.689.753.808.690
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		163.680.727.170	192.998.755.432
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	12.669.248.345	9.944.009.094
Chi phí tài chính	22	23	19.949.715.231	22.147.988.884
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.483.197.934</i>	<i>17.077.946.580</i>
Chi phí bán hàng	25	24	26.622.923.004	28.840.322.167
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	41.670.478.015	42.991.269.689
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		88.106.859.465	108.963.183.786
Thu nhập khác	31		411.997.862	232.923.955
Chi phí khác	32		695.817.982	506.299.822
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(283.820.120)	(273.375.867)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		87.823.039.345	108.689.807.919
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	16.247.972.436	19.726.064.793
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	27	70.812.556	(6.472.477)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		71.504.254.353	88.970.215.603
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.331	2.900

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Su Yu Chun
Kế toán Trưởng


Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2020	2019
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		87.823.039.345	108.689.807.919
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		15.270.124.122	14.484.602.268
Các khoản dự phòng	03		(155.159.028)	(8.816.370)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		101.886.572	(131.347.913)
Lãi từ thanh lý/xóa sổ tài sản cố định hữu hình và tài sản dài hạn khác	05		(121.982.364)	(134.683.920)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(10.544.658.038)	(6.608.706.528)
Chi phí lãi vay	06		15.483.197.934	17.077.946.580
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		107.856.448.543	133.368.802.036
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(6.742.836.527)	10.723.701.004
Biến động hàng tồn kho	10		71.813.676.880	(58.320.343.941)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		10.957.183.934	(114.447.333.417)
Biến động chi phí trả trước	12		(419.234.625)	615.201.993
			183.465.238.205	(28.059.972.325)
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.780.601.251)	(17.173.492.274)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.419.812.741)	(18.685.908.963)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.268.740.498)	(1.611.107.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		147.996.083.715	(65.530.480.783)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

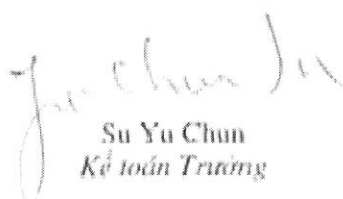
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

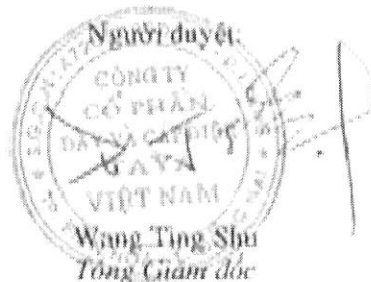
Mẫu B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.420.734.866)	(25.158.103.018)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		121.982.364	187.218.320
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(503.989.939.282)	(68.300.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24		454.830.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		10.503.317.305	5.975.947.378
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.955.374.479)	(87.294.937.320)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		1.041.352.190.388	1.461.315.588.483
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34		(1.071.323.783.249)	(1.278.443.531.910)
Tiền chi trả cổ tức	36		(70.565.338.600)	(54.304.630.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(100.536.931.461)	128.567.426.433
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.503.777.775	(24.257.991.670)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		130.667.424.230	154.923.504.911
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(655.778)	1.910.989
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	133.170.546.227	130.667.424.230

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán Trưởng


 Người duyệt:
 Vương Tịnh Thu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Biên Hòa, Ngày 19 tháng 03 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám Đốc



Wang Ting Shu

